TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ S** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **35**/2020/QĐST-VHNGĐ	*TP. S, ngày 17 tháng 03 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 13/2020/TLST-VHNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Người yêu cầu thứ nhất: Ông **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số 142T, đường K, khóm B, phường T, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Người yêu cầu thứ hai: Bà **Kim Thị Thanh H**, sinh năm 1993; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T1, tỉnh Trà Vinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh T và bà Kim Thị Thanh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T1, tỉnh Trà Vinh vào ngày 24/11/2017. Hôn nhân của ông T, bà H được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Thời gian đầu ông T, bà H chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến ngày 29/01/2020 ông T, bà H xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T, bà H bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Khi xảy ra mâu thuẫn ông T, bà H nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng hàn gắn không được. Ông T, bà H đã sống ly thân từ ngày 01/02/2020 đến nay.

Nay ông T, bà H nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn lại được nên ông T, bà H yêu cầu được thuận tình ly hôn.

Xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa ông Nguyễn Minh T và bà Kim Thị Thanh H đã đến mức trầm trọng, vợ chồng ông, bà đã sống ly thân từ

01/02/2020 đến nay. Hiện nay ông Nguyễn Minh T, bà Kim Thị Thanh H không còn chung sống như vợ chồng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Minh T và bà Kim Thị Thanh H.

[2]. Về con chung: Ông Nguyễn Minh T và bà Kim Thị Thanh H tự khai có một con chung tên Nguyễn Hoàng Kim A, sinh ngày 10/8/2019. Hiện nay cháu A đang sống với bà H tại địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T1, tỉnh Trà Vinh. Sau khi ly hôn ông, bà thống nhất giao con chung tên Nguyễn Hoàng Kim A, sinh ngày 10/8/2019 cho bà Kim Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn Minh T cấp dưỡng cho cháu A mỗi tháng 1.000.000đ/tháng vào ngày 10 hằng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 10/4/2020. Ông T cấp dưỡng cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định pháp luật.

[3]. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Minh T và bà Kim Thị Thanh H tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Ông Nguyễn Minh T và bà Kim Thị Thanh H tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Minh T, bà Kim Thị Thanh H mỗi người đồng ý chịu số tiền 150.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận của ông, bà phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên có cơ sở chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh T và bà Kim Thị Thanh H thuận tình ly hôn;

1.2 Về con chung: Ông Nguyễn Minh T và bà Kim Thị Thanh H thống nhất giao con chung tên Nguyễn Hoàng Kim A, sinh ngày 10/8/2019 cho bà Kim Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

1.3 Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Nguyễn Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng Nguyễn Hoàng Kim A, sinh ngày 10/8/2019 mỗi tháng 1.000.000đ/tháng vào ngày 10 hằng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 10/4/2020, ông T cấp dưỡng cho

đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định pháp luật và có hiệu lực Thi hành theo điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Nguyễn Hoàng Kim A, sinh ngày 10/8/2019 mà không ai được cản trở.

1.4 Về tài sản chung: Ông Nguyễn Minh T và bà Kim Thị Thanh H tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

1.5 Về nợ chung: Ông Nguyễn Minh T và bà Kim Thị Thanh H tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

1.6 Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh T và bà Kim Thị Thanh H mỗi người đồng ý chịu là 150.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí do ông Nguyễn Minh T và bà Kim Thị Thanh H đã nộp theo biên lai thu số 0001665 và 0001666 cùng ngày 11/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Ông Nguyễn Minh T và bà Kim Thị Thanh H đã nộp xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TPS;
- Chi cục THADS TPS;
- UBND xã T, huyện T1, tỉnh Trà Vinh.
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Định